



2025年度厚生労働省委託事業
外国人就労・定着支援研修
Program commissioned by the
Ministry of Health, Labour and
Welfare

ポルトガル語・英語・中国語・ベトナム語

2025/5/30 (更新日)

¥0

HAMAMATSU・はままつ

しごとのためにほんご

Japonês para Trabalhar

Japanese Language for Work

职场日语 / Tiếng Nhật dành cho công việc

No.	会場(かいじょう) Local Place 会场 Địa điểm	レベル Nível Level 等级 Trình độ	コース期間(きかん)、日時(にちじ) Período do curso, Horário Course Period, Times 培训期间、课程表 Thời gian khóa học	もうしこみしめきり Prazo de Inscrição Application Deadline 申请最后期限 Hạn đăng ký	レベルチェックテスト Teste de avaliação Placement Test 日语水平测试 Bài thi kiểm tra trình độ
120	はままつ HAMAMATSU	1	2025/6/11 ~ 9/18 火(か)~金(きん) Ter. a sex. Tue. - Fri. 周二~周五 Thứ 3 - Thứ 6	募集延長 EXTENDED 6/6	6/11 18:30 ~

はままつ 浜松 (HAMAMATSU)

ほくぶきょうどうセンター

Hokubu Kyodo Center



もうしこみはちかくのハローワークで!
Inscrições na **HELLO WORK!**
Apply at **HELLO WORK!**
去附近的职业安定所报名!
Đăng ký tại Văn phòng định việc
làm **HELLO WORK!**

といあわせ/ Contact Info/ Contato/ 联系方式/ Liên hệ

なまえ Name/ Nome/ 姓名 / Tên	かいじょう Place/ Lugar 会场/Địa điểm	でんわばんごう TEL/ Telefone 电话号码/Số điện thoại	ことば Language/ Idioma 语言/ Ngôn ngữ
ハルミ Ms. Harumi	HAMAMATSU	080-4336-2798 tabunka06@softbank.ne.jp	Portuguese

おもな学習内容(がくしゅうないよう)

主要学习内容 / Course Content / Contenido Principal del Estudio / Nội dung học tập chính

このコースでは、安定就労(あんていしゅうろう)に向(む)けて、「求職活動(きゅうしょくかつどう)」や「はたらく」場面(ばめん)で用(もち)いる日本語(にほんご)や日本(にほん)の職場習慣(しょくばしゅうかん)、雇用慣行(こようかんこう)などを学習(がくしゅう)します。

- 本课程将学习在“求职活动”和“工作”场景中使用的日语，日本职场的习惯和雇佣习惯等，为稳定就业做准备。
- This course aims to promote stable employment by teaching Japanese used in "Job Application Process" and "Work Situations", in addition to Japanese business customs and employment practices.
- Neste curso, aprenderá as frases japonesas usadas em situações relacionadas com o "Processo de Aplicação de Emprego" e "Trabalho", além dos modos de negócios e costumes laborais para encontrar um emprego estável no Japão.
- Trong khóa học này, bạn sẽ học tiếng Nhật sử dụng trong các tình huống “Làm việc”, tập quán ở nơi làm việc của Nhật Bản và thói quen tuyển dụng, v.v... để có được việc làm ổn định.

申込(もうしこみ)

申請 / To apply / Inscrição / Cách đăng ký

ハローワークで申込(もうしこみ)

请在公共职业安定所进行咨询，办理申请手续

Apply at Hello Work

Inscrições na Hello Work

Đăng ký tại Văn phòng ổn định việc làm Hello Work

レベルチェックテスト

日语水平测试

Placement Test

Teste de avaliação

Bài thi kiểm tra trình độ

研修(けんしゅう)

スタート

进修开始

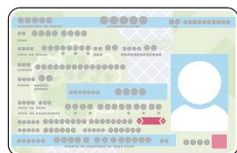
Training Begins

Início do Curso

Bắt đầu khóa đào tạo

申込(もうしこみ)に必要な(ひつよう)なもの

申请所需资料 / What you need for application / Documentos necessários para se inscrever / Những thứ cần thiết để đăng kí



在留(ざいりゅう)カードまたはパスポート

在留卡或护照

Resident Card or Passport

Cartão de permanência ou Passaporte

Thẻ lưu trú Hoặc hộ chiếu



ハローワークって？

公共职业安定所是什么？

What is Hello Work?

O que é Hello Work?

Hello Work là gì?



通訳(つうやく)がいるハローワーク

配备翻译的职业安定所

The Hello Work offices with interpreters

Hello Work com assistência de intérpretes

Hellowork có phiên dịch viên

在留資格(ざいりゅうしかく)

居留资格 / Status of Residence / Status de Residência / Tư cách lưu trú

永住者(えいじゅうしゃ)、日本人(にほんじん)の配偶者等(はいぐうしゃとう)、永住者(えいじゅうしゃ)の配偶者等(はいぐうしゃとう)、定住者(ていじゅうしゃ)など、仕事(しごと)ができる在留資格(ざいりゅうしかく)の方(かた)

- 永住者、日本人的配偶者等、永住者的配偶者等、定住者等、有工作许可的在留资格者。
- Permanent residents, spouse or children of Japanese nationals, spouse or children of permanent residents, long-term residents, etc., who have a residence status that allows them to work.
- Residentes permanentes, cônjuges de japoneses, cônjuges de residentes permanentes, residentes de longa duração e etc., pessoas com status de residência que lhes permita trabalhar.
- Người cư trú vĩnh trú, có vợ (chồng) là người nhật, người có vợ (chồng) là người cư trú vĩnh trú, người cư trú định trú, người có tư cách (được phép) làm việc hoặc người đang tìm việc, đặc biệt là những người cư trú dài hạn v.v

レベル 等级 / Level / Nivel / Trình độ	
1	初(はじ)めて日本語(にほんご)を勉強(べんきょう)する人(ひと)、日本語(にほんご)が少(すこ)し話(はな)せるが、ひらがな・カタカナの読(よ)み書(か)きが苦手(にがて)な人(ひと)のコースです。 - 本课程适合日语初学者以及会说简单日语，但不擅长平假名/片假名读写的学员。 - This class is for people who are studying Japanese for the first time, or who can speak a little Japanese but cannot read or write Hiragana and Katakana very well. - Este curso é para quem está começando a aprender japonês ou já fala um pouco o idioma, mas ainda não domina a leitura e escrita em hiragana e katakana. - Đây là khóa học dành cho người mới bắt đầu học tiếng Nhật, và người có thể nói một chút tiếng Nhật, nhưng còn yếu về kỹ năng đọc, viết Hiragana và Katakana.
2	ひらがな・カタカナの読(よ)み書(か)きができ、日本語(にほんご)を少(すこ)し勉強(べんきょう)したことがある人(ひと)のコースです。生活(せいかつ)の中(なか)で日本語(にほんご)での簡単(かんたん)なやり取(と)りが少(すこ)しできる人(ひと)のコースです。 - 本课程适合会平假名/片假名读写，学过少量日语的学员。以及在生活中会用日语少量简单交流的学员。 - This class is for people who can read and write Hiragana and Katakana and have studied a little Japanese before. It is also for those who can communicate somewhat in simple Japanese in daily life. - Este curso é para quem já estudou um pouco o idioma japonês, sabendo ler e escrever em hiragana e katakana. É o curso para quem já consegue se comunicar um pouco em japonês no dia a dia. - Đây là khóa học dành cho người đã có thể đọc viết Hiragana và Katakana, đã từng học một chút tiếng Nhật. Khóa học này dành cho người có thể trao đổi đơn giản được một chút bằng tiếng Nhật trong cuộc sống hàng ngày.

ハローワーク / Hello Work		
いわた Iwata	3599-6, Mitsuke, Iwata	☎ 0538-32-6181
はままつ Hamamatsu	50-2 Asada-cho, Chuo-ku	☎ 053-457-5157
こさい Kosai	2F 519-1 Araicho Hamana	☎ 053-594-0855
かけがわ Kakegawa	Ekimae 4-4, SK Shinkin Plaza 2F, Kakegawa	☎ 0537-22-4185

注意事項(ちゅういじこう)
注意事項 / Notes / Notas / Điểm cần lưu ý

申込(もうしこみ)が多(おお)いコースは、早(はや)く受付(うけつけ)を終(お)わる場合があります！
レベルチェックテストは、必(かならず)受(う)けてください。研修(けんしゅう)に参加(さんか)できるかどうかは、テストの結果(けっか)で決(き)まります。レベルチェックテストには、えんぴつと消(け)しゴムをもってきてください。

- 申请人数较多时，可能会提前截止报名时间。为了决定所属班级，请务必参加日语水平考试。是否能参加培训取决于测试结果。日语水平测试时请带上书写工具。
- In the event that we receive many applications, we may close the application process early. All participants are required to take a placement test. Whether you can participate in the training will be determined by the test results. Please bring a pencil and an eraser for the placement test.
- Caso haja muitas inscrições, o período de inscrição poderá ser encerrado antes da data. É necessário prestar o Teste de Avaliação (exame de escrita e conversação) para poder participar do curso. A sua participação no curso será determinada em base nos resultados dos testes. Por favor, traga lápis e borracha para o teste.
- Việc tiếp nhận đăng ký có thể sẽ kết thúc trong trường hợp số người đăng ký quá đông. Nhất định hãy tham gia bài thi kiểm tra trình độ. Tùy vào kết quả của bài thi, có thể bạn sẽ không được tham gia khóa đào tạo. Hãy mang theo bút chì và cục tẩy để làm bài thi kiểm tra trình độ.

All Rights Reserved, Copyright © 2025, Japan International Cooperation Center.

しごとのための にほんご

職場日语
Japanese Language for Work
Japonês para Trabalho
Tiếng Nhật dành cho công việc

むりょう
免费
FREE
GRATUITO
Miễn phí



No.	会場(かいじょう) Place 	レベル Level	コーススケジュール Course Schedule 	申込締切 (もうしこみしめきり) Application Deadline 	レベルチェック テスト Placement Test 	間(と)い合(あ)わせ Contact Info 
122	ふじ FUJI  ふじぶんかいかんろぜシアター Fuji Rose Theatre 1750, Tadehara-cho, Fuji	1	2025/5/26 - 7/25 月(げつ)・水(すい)・木(もく)・金(きん) 周一・周三・周一四・周五 Mon., Wed., Thu., Fri. Seg., Qua., Qui., Sex. Thứ 2, Thứ 4, Thứ 5, Thứ 6 9:00-12:00 	募集延長 EXTENDED 5/30	5/26 9:00-	えんどう (Ms. Endo) ☎ 090-6512-7835 ✉ tabunka99@softbank.ne.jp にほんご / ぽるとがるご Japanese / Portugues
124	ふじ FUJI  ふじしこうりゅうぶらざ 富士市交流プラザ Fuji-shi Koryu Plaza 20-1, Fuji-cho, Fuji	2	2025/5/27 - 8/29 火(か)-金(きん) 周二-周五 Tue.-Fri. Ter. a Sex. Thứ 3-Thứ 6 19:00-21:00 	募集延長 EXTENDED 6/6	5/27 19:00-	はらだ (Mr. Harada) ☎ 080-4336-1257 tabunka25@softbank.ne.jp にほんご / えいご / ぽるとがるご Japanese / English / Portugues
126	会場協力 ブラサヴェルデ ぬまづ NUMAZU 	2	2025/5/29 - 7/22 月(げつ)-金(きん) 周一-周五 Mon.-Fri. Seg. a Sex. Thứ 2-Thứ 6 9:00-12:00 	5/28	5/21 9:00-	ひらい (Ms. Hirai) ☎ 080-7399-3821 tabunka145@softbank.ne.jp にほんご / えいご Japanese / English
129	ブラサヴェルデ Plaza Verde 1-1-4, Otemachi, Numazu 	1	2025/6/9 - 9/19 月(げつ)・火(か)・木(もく)・金(きん) 周一・周二・周四・周五 Mon., Tue., Thu., Fri. Seg., Ter., Qui., Sex. Thứ 2, Thứ 3, Thứ 5, Thứ 6 19:00-21:00 	6/2	6/3 19:00-	みさか (Mr. Misaka) ☎ 080-4335-9543 tabunka18@softbank.ne.jp にほんご / えいご / ぽるとがるご Japanese / English / Portugues



JICE Website
<https://www.jice.org/tabunka/recruit/>
JICE Tabunka en



JICE Facebook
しごとのためのにほんご
<https://www.facebook.com/jice.tabunka/>



Japan International
Cooperation Center
Shinjuku Dai-ichi Seimei Bldg., 16th Floor 2-7-1,
Nishi-shinjuku, Shinjuku-ku, Tokyo 163-0716

おもな学習内容(がくしゅうないよう)

主要学习内容 / Course Content / Conteúdo da Aprendizagem / Nội dung học tập chính

このコースでは、安定就労(あんていしゅうろう)に向(む)けて、「求職活動(きゅうしょくかつどう)」や「はたらく」場面(ばめん)で用(もち)いる日本語(にほんご)や日本(にほん)の職場習慣(しょくばしゅうかん)、雇用慣行(こようかんこう)などを学習(がく)しゅうします。

- 本課程将学习在“求职活动”和“工作”场景中使用的日语，日本职场的习惯和雇佣习惯等，为稳定就业做准备。
- This course aims to promote stable employment by teaching Japanese used in "Job Application Process" and "Work Situations", in addition to Japanese business customs and employment practices.
- Neste curso, aprenderá as frases japonesas usadas em situações relacionadas com o "Processo de Aplicação de Emprego" e "Trabalho", além dos modos de negócios e costumes laborais para encontrar um emprego estável no Japão.
- Trong khóa học này, bạn sẽ học tiếng Nhật sử dụng trong các tình huống “Làm việc”, tập quán ở nơi làm việc của Nhật Bản và thói quen tuyển dụng, v.v... để có được việc làm ổn định.

Level 1	- 本課程适合日语初学者以及会说简单日语，但不擅长平假名/片假名读写的学员。 - This class is for people who are studying Japanese for the first time, or who can speak a little Japanese but cannot read or write Hiragana and Katakana very well. - Este curso é para quem está começando a aprender japonês ou já fala um pouco o idioma, mas ainda não domina a leitura e escrita em hiragana e katakana. - Đây là khóa học dành cho người mới bắt đầu học tiếng Nhật, và người có thể nói một chút tiếng Nhật, nhưng còn yếu về kỹ năng đọc, viết Hiragana và Katakana.
Level 2	- 本課程适合会平假名/片假名读写，学过少量日语的学员。以及在生活中会用日语少量简单交流的学员。 - This class is for people who can read and write Hiragana and Katakana and have studied a little Japanese before. It is also for those who can communicate somewhat in simple Japanese in daily life. - Este curso é para quem já estudou um pouco o idioma japonês, sabendo ler e escrever em hiragana e katakana. É o curso para quem já consegue se comunicar um pouco em japonês no dia a dia. - Đây là khóa học dành cho người đã có thể đọc viết Hiragana và Katakana, đã từng học một chút tiếng Nhật. Khóa học này dành cho người có thể trao đổi đơn giản được một chút bằng tiếng Nhật trong cuộc sống hàng ngày.

申込(もうしこみ) 申請 / To apply / Inscrição / Cách đăng ký

ハローワークで申込

请在公共职业安定所进行咨询，办理申请手续
Apply at **Hello Work**
Inscrições na **Hello Work**
Đăng ký tại Văn phòng ổn định việc làm **Hello Work**

レベルチェックテスト

日语水平测试
Placement Test
Teste de avaliação
Bài thi kiểm tra trình độ

けんしゅう 研修スタート

进修开始
Training Begins
Início do Curso
Bắt đầu khóa đào tạo



ハローワークって？
公共职业安定所是什么？
What is Hello Work?
O que é Hello Work?
Hello Work là gì?



通訳(つうやく)がいるハローワーク
配备翻译的职业安定所
The Hello Work offices with interpreters
Hello Work com assistência de intérpretes
Hellowork có phiên dịch viên

申込(もうしこみ)に必要な(ひつよう)なもの

申请所需资料 / What you need for application / Documentos necessários para se inscrever / Những thứ cần thiết để đăng kí



在留(ざいりゅう)カードまたはパスポート
在留卡或护照
Resident Card or Passport
Cartão de permanência ou Passaporte
Thẻ lưu trú Hoặc hộ chiếu

くわしくはこちら

更多详细信息 / For more details / Para mais informações / Xem chi tiết tại đây



中文简体

English

Português

Русский

Español

Tiếng Việt

注意事項(ちゅういじこう) 注意事項 / Notes / Notas / Điểm cần lưu ý

申込(もうしこみ)が多(おほ)いコースは、早(はや)く受付(うけつけ)を終(お)わることがあります！
レベルチェックテストは、かならず受(う)けてください。研修(けんしゅう)に参加(さんか)できるかどうかは、テストの結果(けっか)で決(き)まります。レベルチェックテストには、えんぴつと消(け)しゴムをもってきてください。

- 申請人数较多时，可能会提前截止报名时间。为了决定所属班级，请务必参加日语水平考试。是否能参加培训取决于测试结果。日语水平测试时请带上书写工具。
- In the event that we receive many applications, we may close the application process early. All participants are required to take a placement test. Whether you can participate in the training will be determined by the test results. Please bring a pencil and an eraser for the placement test.
- Caso haja muitas inscrições, o período de inscrição poderá ser encerrado antes da data. É necessário prestar o Teste de Avaliação (exame de escrita e conversação) para poder participar do curso. A sua participação no curso será determinada em base nos resultados dos testes. Por favor, traga lápis e borracha para o teste.
- Việc tiếp nhận đăng ký có thể sẽ kết thúc trong trường hợp số người đăng ký quá đông. Nhất định hãy tham gia bài thi kiểm tra trình độ. Tùy vào kết quả của bài thi, có thể bạn sẽ không được tham gia khóa đào tạo. Hãy mang theo bút chì và cục tẩy để làm bài thi kiểm tra trình độ.

しごとのための にほんご

むりょう
免费
FREE
GRATUITO
Miễn phí

職場日語
Japanese Language for Work
Japonês para Trabalho
Tiếng Nhật dành cho công việc



No.	会場 (かいじょう) Venue	レベル Level	コーススケジュール Course Schedule	申込締切 (もうしこみしめきり) Application Deadline	レベルチェック テスト Placement Test	問(と)い合(あ)わせ Contact Info
103	やいづ YAIZU  サンライフやいづ Sun-life Yaizu	1	2025/6/4 - 9/11 火(か)～金(きん) 周二-周五 Tue.-Fri. Ter. a Sex. Thứ 3-Thứ 6  19:00-21:00	募集延長 EXTENDED 6/3	6/4 19:00-	ツダ (Ms. Tsuda) ☎ 080-4336-0956 ✉ tabunka29@softbank.ne.jp にほんご・えいご セブアノ(ビサヤ) タガログご・スペインご Japanese / English Cebuano(Visayan) Tagalog / Spanish
105	かがわ KAKEGAWA  せいぶつじゅんかん パビリオン Seibutsu Junkan Pavilion	1	2025/5/22 - 7/25 月(げつ)～金(きん) 周一-周五 Mon.-Fri. Seg. a Sex. Thứ 2-Thứ 6  9:00-12:00	5/27	5/27 9:00-	マリア (Ms. Maria) ☎ 080-4336-3706 ✉ tabunka47@softbank.ne.jp にほんご・タガログご えいご・ポルトガルご Japanese / Tagalog English / Portuguese

在留資格(ざいりゅうしかく)

居留資格 / Status of Residence / Status de Residência / Tư cách lưu trú

永住者(えいじゅうしゃ)、日本人(にほんじん)の配偶者等(はいぐうしゃとう)、永住者(えいじゅうしゃ)の配偶者等(はいぐうしゃとう)、定住者(ていじゅうしゃ)など、仕事(しごと)ができる在留資格(ざいりゅうしかく)の方(かた)

- 永住者、日本人的配偶者等、永住者の配偶者等、定住者等、有工作許可の在留資格者。
- Permanent residents, spouse or children of Japanese nationals, spouse or children of permanent residents, long-term residents, etc., who have a residence status that allows them to work.
- Residentes permanentes, cônjuges de japoneses, cônjuges de residentes permanentes, residentes de longa duração e etc., pessoas com status de residência que lhes permita trabalhar.
- Người cư trú vĩnh trú, có vợ (chồng) là người nhật, người có vợ (chồng) là người cư trú vĩnh trú, người cư trú định trú, người có tư cách (được phép) làm việc hoặc người đang tìm việc, đặc biệt là những người cư trú dài hạn v..v



JICE Website
<https://www.jice.org/tabunka/recruit/>
JICE Tabunka en



JICE Facebook
しごとのためのにほんご
<https://www.facebook.com/jice.tabunka/>



Japan International
Cooperation Center
Shinjuku Dai-ichi Seimei Bldg., 16th Floor 2-7-1,
Nishi-shinjuku, Shinjuku-ku, Tokyo 163-0716

おもな学習内容(がくしゅうないよう)

主要学习内容 / Course Content / Conteúdo da Aprendizagem / Nội dung học tập chính

このコースでは、安定就労(あんていしゅうろう)に向(む)けて、「求職活動(きゅうしょくかつどう)」や「はたらく」場面(ばめん)で用(もち)いる日本語(にほんご)や日本(にほん)の職場習慣(しょくばしゅうかん)、雇用慣行(こようかんこう)などを学習(がくしゅう)します。

- 本课程将学习在"求职活动"和"工作"场景中使用的日语，日本职场的习惯和雇佣习惯等，为稳定就业做准备。
- This course aims to promote stable employment by teaching Japanese used in "Job Application Process" and "Work Situations", in addition to Japanese business customs and employment practices.
- Neste curso, aprenderá as frases japonesas usadas em situações relacionadas com o "Processo de Aplicação de Emprego" e "Trabalho", além dos modos de negócios e costumes laborais para encontrar um emprego estável no Japão.
- Trong khóa học này, bạn sẽ học tiếng Nhật sử dụng trong các tình huống “Làm việc”, tập quán ở nơi làm việc của Nhật Bản và thói quen tuyển dụng, v.v... để có được việc làm ổn định.

Level 1

- 本课程适合日语初学者以及会说简单日语，但不擅长平假名/片假名读写的学员。
- This class is for people who are studying Japanese for the first time, or who can speak a little Japanese but cannot read or write Hiragana and Katakana very well.
- Este curso é para quem está começando a aprender japonês ou já fala um pouco o idioma, mas ainda não domina a leitura e escrita em hiragana e katakana.
- Đây là khóa học dành cho người mới bắt đầu học tiếng Nhật, và người có thể nói một chút tiếng Nhật, nhưng còn yếu về kỹ năng đọc, viết Hiragana và Katakana.

申込(もうしこみ) 申請 / To apply / Inscrição / Cách đăng ký

ハローワークで申込

请在公共职业安定所进行咨询，办理申请手续
Apply at Hello Work
Inscrições na Hello Work
Đăng ký tại Văn phòng Ổn định việc làm Hello Work

レベルチェックテスト

日语水平测试
Placement Test
Teste de avaliação
Bài thi kiểm tra trình độ

研修スタート

进修开始
Training Begins
Início do Curso
Bắt đầu khóa đào tạo



ハローワークって？
公共职业安定所是什么？
What is Hello Work?
O que é Hello Work?
Hello Work là gì?



通訳(つうやく)がいるハローワーク
配备翻译的职业安定所
The Hello Work offices with interpreters
Hello Work com assistência de intérpretes
Hellowork có phiên dịch viên

申込(もうしこみ)に必要な(ひつよう)なもの
申请所需资料 / What you need for application / Documentos necessários para se inscrever / Những thứ cần thiết để đăng kí



在留(ざいりゅう)カードまたはパスポート
在留卡或护照
Resident Card or Passport
Cartão de permanência ou Passaporte
Thẻ lưu trú Hoặc hộ chiếu

くわしくはこちら
更多详细信息 / For more details / Para mais informações / Xem chi tiết tại đây



中文简体

English

Português

Русский

Español

Tiếng Việt

注意事項(ちゅういじこう) 注意事项 / Notes / Notas / Điểm cần lưu ý

- 申込(もうしこみ)が多(おほ)いコースは、早(はや)く受付(うけつけ)を終(お)わる場合があります！
レベルチェックテストは、かならず受(う)けてください。研修(けんしゅう)に参加(さんか)できるかどうかは、テストの結果(けっか)で決(き)まります。レベルチェックテストには、えんぴつと消(け)しゴムをもってきてください。
- 申请人数较多时，可能会提前截止报名时间。为了决定所属班级，请务必参加日语水平考试。是否能参加培训取决于测试结果。日语水平测试时请带上书写工具。
 - In the event that we receive many applications, we may close the application process early. All participants are required to take a placement test. Whether you can participate in the training will be determined by the test results. Please bring a pencil and an eraser for the placement test.
 - Caso haja muitas inscrições, o período de inscrição poderá ser encerrado antes da data. É necessário prestar o Teste de Avaliação (exame de escrita e conversação) para poder participar do curso. A sua participação no curso será determinada em base nos resultados dos testes. Por favor, traga lápis e borracha para o teste.
 - Việc tiếp nhận đăng ký có thể sẽ kết thúc trong trường hợp số người đăng ký quá đông. Nhất định hãy tham gia bài thi kiểm tra trình độ. Tùy vào kết quả của bài thi, có thể bạn sẽ không được tham gia khóa đào tạo. Hãy mang theo bút chì và cục tẩy để làm bài thi kiểm tra trình độ.